***Ngày soạn:26 /10/2024***

***Ngày dạy: ....................***

**: ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I**

***I. MỤC TIÊU***

***1*. *Năng lực***

***a. Năng lực khoa học tự nhiên***

Hệ thống hóa được kiến thức về chủ đề giới thiệu KHTN và sự đa dạng của chất

***b. Năng lực chung***

-Tự chủ và tự học: Chủ động,gương mẫu, phối hợp với các thành viên trong nhóm để hoàn thành các nội dung ôn tập.

-Giao tiếp và hợp tác: Tích cực thực hiện các nhiệm vụ của bản thân trong chủ đề ôn tập.

-Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc giải bài tập

***2.Phẩm chất***

-Có ý thức tìm hiểu về chủ đề học tập, say mê và có niềm tin vào khoa học

-Quan tâm đến bài tổng kết của cả nhóm, kiên nhẫn thực hiện các nhiêm vụ học tập vận dụng và mở rộng.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC- HỌC LIỆU**

**1.*Gáo viên***

Chuẩn bị giấy khổ A3, bài tập cho HS ôn tập

**2. *Học sinh***

Vở ghi, SGK, đồ dùng học tập

**III.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: Khởi động (Mở đầu)**

**a.Mục tiêu :**Tạo hứng khởi cho HS vào bài

**b. Tổ chức thực hiện:**

GV dẫn dắt: Ở những bài học trước, chúng ta đã tìm hiểu những kiến thức mở đầu về khoa học tự nhiên: giới thiệu khoa học tự nhiên, an toàn trong phòng thực hành, sử dụng kính lúp,kính hiển vi quang học… và sự đa dạng của chất ở chủ đề 2.Bài ôn tập ngày hôm nay, chúng ta sẽ đi ôn tập và hoàn thiện bài tập để củng cố lại kiến thức…

**Hoạt động 2: Ôn tập**

**Hoạt động 2.1: Hệ thống hóa kiến thức**

**a.Mục tiêu:**

HS hệ thống hóa được kiến thức về giới thiệu khoa học tự nhiên, sự đa dạng của chất

**b.Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Trợ giúp của GV-Hoạt động của HS** | **Nội dung** |
| **Bước 1: GV chuyển giiao nhiệm vụ học tập**  GV hướng dẫn HS thiết kế sơ đồ tư duy để tổng kết những kiến thức cơ bản  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS hoạt động theo nhóm từ 4-6 người, vẽ sơ đồ tư duy tổng hợp kiên thức  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  GV gọi đại diện các nhóm lần lượt lên trình bày sơ đồ tư duy của nhóm mình  **Bước 4:Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV nghe và nhận xét,chọn nhóm trình bày tốt nhất | **I. Kiến thức cần nhớ**  1.Giới thiệu về KHTN  2.An toàn trong phòng thực hành  3.Sử dụng kính lúp  4.Sử dụng kính hiển vi quang học  5.Đo chiều dài, khối lượng,thời gian, nhiệt độ  6.Sự đa dạng của chất  **II. Bài tập** |

**Hoạt động 2.2: Hoạt động luyện tập vận dụng**

**a.Mục tiêu:** HS giải một số bài tập phát triển năng lực KHTN

**b.Tổ chức thực hiện:**

***GV sử dụng phương pháp dạy học bài tập, yêu cầu HS hoàn thiện bài tập sau:***

**Câu 1.** Lĩnh vực nào sau đây không thuộc về khoa học tự nhiên

A. Sinh Hóa B. Thiên văn

C. Lịch sử D. Địa chất

**Câu 2.** Quan sát vật nào dưới đây cần phải sử dụng kính hiển vi:

A. Tế bào biểu bì vảy hành B.Con kiến   
C. Con ong D. Tép bưởi

**Câu 3.** Hệ thống phóng đại của kính hiển vi bao gồm:

A. Thị kính, vật kính  
B. Chân kính, thân kính, bàn kính, kẹp giữ mẫu  
C. Ốc to (núm chỉnh thô), ốc nhỏ (núm chỉnh tinh)  
D. Đèn chiếu sáng, gương, màn chắn.

**Câu 4:** Nhà Nam có một kính lúp, hành động nào sau đây khi bảo vệ kính lúp của Nam là sai?

A. Lau chùi bằng khăn mềm. B. Cất kính vào hộp kín  
C. Để kính ở chậu cây tiện cho những lần sử dụng D. Dùng xong rửa kính bằng nước sạch.

**Câu 5:** Kính lúp cầm tay có tác dụng khi quan sát các vật nhỏ :

A. Nhìn vật xa hơn B.Làm ảnh của vật nhỏ hơn  
C. Phóng to ảnh của một vật D. Không thay đổi kích thước của ảnh

**Câu 6:** Tấm kính dùng làm kính lúp có:

A. Phần rìa dày hơn phần giữa B.Có phần rìa mỏng hơn phần giữa  
C. Có hai mặt phẳng D. Có phần giữa bị lõm.

**Câu 7:** Đơn vị đô độ dài hợp pháp ở nước ta là:

A. mm B.Cm  
C. km D. m

**Câu 8:** Một hộp sữa có ghi 900g. 900g chỉ?

A. Khối lượng của cả hộp sữa  
B. Khối lượng của sữa trong hộp  
C. Khối lượng của vỏ hộp sữa  
D. Khối lượng hộp sữa là 900g

**Câu 9:** Đơn vị đo khối lượng trong hệ thống đo lường hợp pháp của nước ta là:

A. gam B.Kilogam  
C. Tạ D. Tấn

**Câu 10:** Thao tác nào là sai khi dùng cân đồng hồ?

A. Đặt vật cân bằng trên đĩa cân  
B. Đọc kết quả khi cân khi đã ổn định  
C. Đặt mắt vuông góc với mặt đồng hồ  
D. Đặt cân trên bề mặt không bằng phẳng

**Câu 11:** Để đo thời gian chạy ngắn 100m ta sử dụng đồng hồ nào để đo là hợp lí nhất ?

A. Đồng hồ đeo tay B.Đồng hồ quả lắc  
C. Đồng hồ điện tử D. Đồng hồ bấm giây

**Câu 12.** Đặc điểm cơ bản để phân biệt vật thể tự nhiên và vật thể nhân tạo là

**A.** vật thể nhân tạo đẹp hơn vật thể tự nhiên**.**

**B.** vật thể nhân tạo do con người tạo ra**.**

**C.** vật thể tự nhiên làm từ chất, còn vật thể nhân tạo làm từ vật liệu**.**

**D.** vật thể tự nhiên làm từ các chất trong tự nhiên, vật thể nhân tạo làm từ các chất nhân tạo**.**

**Câu 13.** Đặc điểm cơ bản để phân biệt vật sống và vật không sống là

**A.** vật không sống không xuất phát từ cơ thể sống, vật sống xuất phát từ cơ thể sống**.**

**B.** vật không sống không có các đặc điểm như trao đổi chất và năng lượng, sinh trưởng và phát triển, sinh sản, cảm ứng, còn vật sống có các đặc điểm trên**.**

**C.** vật không sống là vật thể đã chết, vật sống là vật thể còn sống**.**

**D.** vật không sống là vật thể không có khả năng sinh sản, vật sống luôn luôn sinh sản

**Câu 14.** Vật thể tự nhiên là

**A.** Ao, hồ, sông, suối.

**B.** Biển, mương, kênh, bể nước.

**C.** Đập nước, máng, đại dương, rạch.

**D.** Hồ, thác, giếng, bể bơi.

**Câu 15.** Vật thể nhân tạo là

**A.** Cây lúa.

**B.** Cái cầu.

**C.** Mặt trời.

**D.** Con sóc.

**Câu 16:** Chỉ ra đâu là tính chất vật lí của chất

A. Nến cháy thành khí cacbon đi oxit và hơi nước  
B. Bánh mì để lâu bị ôi thiu  
C. Bơ chảy lỏng khi để ngoài trời  
D. Cơm nếp lên men thành rượu

**Câu 17:** Chỉ ra đâu là tính chất hóa học của chất

A. Đường tan vào nước B. Kem chảy lỏng khi để ngoài trời  
C. Tuyết tan D. Cơm để lâu bị mốc

**Câu 18.** Tất cả các trường hợp nào sau đây đều là chất?

**A.** Đường mía, muối ăn, con dao**.**

**B.** Con dao, đôi đũa, cái thìa nhôm**.**

**C.** Nhôm, muối ăn, đường mía**.**

**D.** Con dao, đôi đũa, muối ăn**.**

**Câu 19.** Dãy gồm các tính chất đều thuộc tính chất vật lý là

**A.** Sự cháy, khối lượng riêng

**B.** Nhiệt độ nóng chảy, tính tan

**C.** Sự phân hủy, sự biến đổi thành chất khác

**D.** Màu sắc, thể rắn – lỏng – khí

**Câu 20.** Hiện tượng vật lý là

**A.** Đốt que diêm

**B.** Nước sôi

**C.** Cửa sắt bị gỉ

**D.** Quần áo bị phai màu

**Câu 21.** Tính chất nào sau đây là tính chất hoá học của khí carbon dioxide?

**A.** Chất khí, không màu**.**

**B.** Không mùi, không vị**.**

**C.** Tan rất ít trong nước**.**

**D.** Làm đục dung dịch nước vôi trong (dung dịch calcium hydroxide) **.**

**Câu 22.** Quá trình nào sau đây thể hiện tính chất hoá học?

**A.** Hoà tan đường vào nước**.**

**B.** Cô cạn nước đường thành đường**.**

**C.** Đun nóng đường tới lúc xuất hiện chất màu đen**.**

**D.** Đun nóng đường ở thể rắn để chuyển sang đường ở thể lỏng

**Câu 23.** Trong các nhóm sau nhóm nào gồm toàn vật sống:

A. Con gà, con chó, cây nhãn B. Chiếc bút, chiếc lá, viên phấn  
C. Chiếc lá, cây mồng tơi, hòn đá D. Chiếc bút, con vịt, con chó

**Câu 24**. Trong các nhóm sau nhóm nào gồm toàn vật không sống:

A. Con gà, con chó, cây nhãn B. Con gà, cây nhãn, miếng thịt  
C. Quyển sách, cây bút, hòn đá D. Chiếc bút, con vịt, con chó

*-GV cho HS trình bày trước lớp kết quả hoạt động*

*-GV nhận xét kết luận*

Đáp án

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1.C | 2.A | 3.A | 4.C | 5.C |
| 6.B | 7.D | 8.B | 9.B | 10.D |
| 11.D | 12.B | 13.B | 14.A | 15.B |
| 16.C | 17.D | 18.C | 19.D | 20.B |
| 21.D | 22.C | 23.A | 24.C |  |

**Câu 25.** Hãy phân biệt những từ in nghiêng chỉ *vật thể tự nhiên*, *vật thể nhân tạo* hay *chất* trong các câu sau:

1. Trong quả *chanh* có *nước, citric acid* và một số chất khác**.**

2. *Cốc* bằng *thủy tinh* dễ vỡ hơn so với *cốc* bằng *chất dẻo****.***

3. Thuốc đầu *que diêm* được trộn một ít *sulfur***.**

4. *Quặng* apatit ở Lào Cai có chứa *calcium phosphate* với hàm lượng cao**.**

5. *Bóng đèn điện* được chế tạo từ *thủy tinh, đồng* và *tungsten***.**

**Lời giải**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Vật thể tự nhiên** | **Vật thể nhân tạo** | **Chất** |
| Chanh |  | Nước, citric acid |
|  | Cốc | Thủy tinh, chất dẻo |
|  | Que diêm | sulfur |
| Quặng |  | Calcium phosphate |
|  | Bóng đèn điện | Thủy tinh, đồng, tungsten |

**IV/ HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

***1/ Bài vừa học:***

* Ôn tập nội dung chủ đề 1

***2/ Bài vừa học:***

* Chuẩn bị kiểm tra giữa kì môn KHTN

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lãnh đạo kí duyệt | | 0aa2bdae-3f30-46fd-85ff-7bae0e941e31 |
|  |  |
| Nguyễn Thị Ngọc Hân | Nguyễn Khắc Thành |